

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn An Thái	Thành viên
Ông Phạm Gia Sâm	Thành viên
Ông Mai Nam Dương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Lê Văn Quý	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Ngô Văn Minh	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/04/2021

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên – Bổ nhiệm ngày 24/04/2021
Bà Nguyễn Thị Phú	Thành viên – Từ nhiệm ngày 24/04/2021

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duyệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Số: **33** /2021/SX-RSMHCM**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.768.915.530	167.102.204.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	42.943.578.870	31.807.560.969
1. Tiền	111		15.900.975.397	4.779.573.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.042.603.473	27.027.987.875
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		114.457.787.956	88.072.370.665
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	75.441.627.292	69.483.015.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	29.991.341.572	20.123.033.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	28.863.615.325	17.678.866.055
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(19.838.796.233)	(19.212.544.294)
III. Hàng tồn kho	140	4.7	45.367.548.704	46.584.711.502
1. Hàng tồn kho	141		46.918.353.573	48.135.516.371
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.550.804.869)	(1.550.804.869)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	637.561.381
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	637.561.381
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324.019.942.127	275.735.969.037
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.728.088.417	1.647.811.256
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.728.088.417	1.647.811.256
II. Tài sản cố định	220		224.347.544.232	200.078.946.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	216.621.673.240	192.266.202.419
Nguyên giá	222		487.800.186.735	442.943.989.463
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(271.178.513.495)	(250.677.787.044)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	7.725.870.992	7.812.744.182
Nguyên giá	228		12.323.686.299	12.323.686.299
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.597.815.307)	(4.510.942.117)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.984.680.950	31.818.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	1.984.680.950	31.818.182
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		77.873.640.000	54.283.700.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	77.873.640.000	54.283.700.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		18.085.988.528	19.693.692.998
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	18.085.988.528	19.693.692.998
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		526.788.857.657	442.838.173.554

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		161.622.769.263	116.457.623.486
I. Nợ ngắn hạn	310		161.622.769.263	116.457.623.486
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	76.116.352.267	52.491.336.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	50.725.735.511	41.156.017.372
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	14.464.187.055	6.774.356.354
4. Phải trả người lao động	314		17.030.527.657	11.371.238.270
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.193.255.794	3.058.130.339
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	1.574.921.165	1.088.754.609
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		517.789.814	517.789.814
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		365.166.088.394	326.380.550.068
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	365.166.088.394	326.380.550.068
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.570.786.237	60.570.786.237
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		155.809.763.831	118.176.340.544
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.785.538.326	47.633.423.287
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		48.785.538.326	47.633.423.287
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		526.788.857.657	442.838.173.554



Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.19	367.782.528.086	290.474.387.282
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		367.782.528.086	290.474.387.282
3. Giá vốn hàng bán	11	4.20	288.507.499.976	238.093.746.269
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.275.028.110	52.380.641.013
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.21	13.529.577.085	8.931.785.543
6. Chi phí tài chính	22	4.22	170.484.588	(374.295.812)
7. Chi phí bán hàng	25	4.23	1.123.320.304	1.121.732.242
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.24	34.511.572.862	20.142.157.723
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.999.227.441	40.422.832.403
10. Thu nhập khác	31	4.25	840.621.897	1.624.574
11. Chi phí khác	32	4.26	42.208.807	563.987.664
12. Lợi nhuận khác	40		798.413.090	(562.363.090)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.797.640.531	39.860.469.313
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.28	9.012.102.205	6.240.883.433
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	81.297.725
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		48.785.538.326	33.538.288.155

Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		57.797.640.531	39.860.469.313
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.27	25.454.310.617	22.979.775.617
Các khoản dự phòng	03		626.251.939	(153.562.836)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.560.755	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.110.419.880)	(8.366.933.541)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		69.775.343.962	54.319.748.553
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.503.261.112)	(7.652.100.306)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.217.162.798	(7.856.231.907)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		50.497.322.858	45.194.919.053
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.607.704.470	1.406.215.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(2.964.019.426)	(5.144.377.340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		103.630.253.550	80.268.173.991
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.747.626.700)	(33.876.891.419)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		910.000.000	272.727.272
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.589.940.000)	(18.705.300.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.959.205.390	10.075.444.399
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.468.361.310)	(42.234.019.748)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.17.1	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		11.161.892.240	28.034.154.243
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		31.807.560.969	11.842.362.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.874.339)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	42.943.578.870	39.876.516.488



Phê duyệt

Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 05 năm 2019 để tăng vốn điều lệ.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 91/UBCK-GPNY ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 515 (01 tháng 01 năm 2021 là: 466).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	93,52%	93,52%	93,52%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắc R'Lấp, Tỉnh Đắc Nông.	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc Lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị Xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
Xí Nghiệp Bê Tông Hiệp Lực	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt
Xí Nghiệp Vận Tải	87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2020.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	489.100.463	803.540.592
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.411.874.934	3.976.032.502
Các khoản tương đương tiền	27.042.603.473	27.027.987.875
Cộng	42.943.578.870	31.807.560.969

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	20.073.640.000	(*)	-	19.483.700.000	(*)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	5.000.000.000	(*)	-	5.000.000.000	(*)	-
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	52.800.000.000	(*)	-	29.800.000.000	(*)	-
Cộng	77.873.640.000		-	54.283.700.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	15.962.940.211	13.072.216.246
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	8.802.563.055
Các khách hàng khác	50.676.124.026	47.608.235.783
Cộng	75.441.627.292	69.483.015.084

Tại ngày 30/6/2021, mỗi khoản phải thu khách hàng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	12.512.000.000	4.512.000.000
Trả trước cho người bán:		
Nguyễn Viết Lương	7.924.576.799	7.924.576.799
Các nhà cung cấp khác	9.554.764.773	7.686.457.021
Cộng	29.991.341.572	20.123.033.820

Tại ngày 30/6/2021, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	21.478.228.646	-	10.907.856.951	-
Phải thu khác xí nghiệp xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)
Phải thu người lao động	1.492.114.868	-	1.635.840.879	-
Phải thu khác	1.467.397.945	(58.132.038)	709.294.359	(58.132.038)
Cộng	28.863.615.325	(4.484.005.904)	17.678.866.055	(4.484.005.904)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ	1.728.088.417	-	1.647.811.256	-
-----------------	---------------	---	---------------	---

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn	16.466.364.282	1.111.573.953	15.506.691.124	778.152.734
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.379.133.513	(104.872.391)	5.132.043.261	648.037.357
Cộng	20.845.497.795	1.006.701.562	20.638.734.385	1.426.190.091

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp do một số khách hàng không thể liên lạc được và một số khách hàng đang tranh chấp.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Bạch Việt	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm	8.802.563.055	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến trên 3 năm
Các khách hàng khác	12.042.934.740	1.006.701.562		11.836.171.330	1.426.190.091	
Cộng	20.845.497.795	1.006.701.562		20.638.734.385	1.426.190.091	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.004.448.791	-	26.805.780.376	-
Công cụ, dụng cụ	659.361.902		609.966.583	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.572.011.861	-	2.176.524.523	-
Thành phẩm	9.867.915.563	(835.242.862)	15.363.825.701	(835.242.862)
Hàng hóa	2.814.615.456	(715.562.007)	3.179.419.188	(715.562.007)
Cộng	46.918.353.573	(1.550.804.869)	48.135.516.371	(1.550.804.869)

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:							
Tại ngày 01/01/2021	65.392.004.116	195.600.609.084	180.017.991.244	876.365.261	520.611.939	536.407.819	442.943.989.463
Mua trong kỳ	656.549.091	24.354.509.093	24.580.870.905	117.136.364	-	343.000.000	50.052.065.453
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.195.868.181)	-	-	-	(5.195.868.181)
Tại ngày 30/06/2021	66.048.553.207	219.955.118.177	199.402.993.968	993.501.625	520.611.939	879.407.819	487.800.186.735
Giá trị hao mòn lũy kế:							
Tại ngày 01/01/2021	34.223.999.491	122.305.546.065	92.710.192.645	601.029.085	520.611.939	316.407.819	250.677.787.044
Khấu hao trong kỳ	1.959.311.009	9.225.086.867	14.107.561.318	75.478.233	-	-	25.367.437.427
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.866.710.976)	-	-	-	(4.866.710.976)
Tại ngày 30/06/2021	36.183.310.500	131.530.632.932	101.951.042.987	676.507.318	520.611.939	316.407.819	271.178.513.495
Giá trị còn lại:							
Tại ngày 01/01/2021	31.168.004.625	73.295.063.019	87.307.798.599	275.336.176	-	220.000.000	192.266.202.419
Tại ngày 30/06/2021	29.865.242.707	88.424.485.245	97.451.950.981	316.994.307	-	563.000.000	216.621.673.240

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.790.875.495 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí thăm dò hầm mỏ VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	9.358.091.201	2.528.795.098	436.800.000	12.323.686.299
Tại ngày 30/06/2021	9.358.091.201	2.528.795.098	436.800.000	12.323.686.299
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2021	1.545.347.019	2.528.795.098	436.800.000	4.510.942.117
Khấu hao trong kỳ	86.873.190	-	-	86.873.190
Tại ngày 30/06/2021	1.632.220.209	2.528.795.098	436.800.000	4.597.815.307
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	7.812.744.182	-	-	7.812.744.182
Tại ngày 30/06/2021	7.725.870.992	-	-	7.725.870.992

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.086.381.098 VND

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Hệ thống sân bãi mặt bằng Tây Đại Lào	1.952.862.768	-
Dự án Xuân Thọ	31.818.182	31.818.182
Cộng	1.984.680.950	31.818.182

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	16.889.850.595	17.584.777.233
Chi phí khác	1.196.137.933	2.108.915.765
Cộng	18.085.988.528	19.693.692.998

Trong đó, chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Quyền khai thác mỏ Tam Bô	106.189.600	206.903.116
Quyền khai thác mỏ Lộc Tân	649.067.435	1.016.222.807
Quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	978.563.831	914.453.877
Quyền khai thác mỏ Tutra	216.820.071	260.919.071
Quyền khai thác mỏ Đại Lào	14.939.209.658	15.186.278.362
Cộng	16.889.850.595	17.584.777.233

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	40.380.320.209	40.380.320.209	20.402.624.908	20.402.624.908
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	6.477.412.092	6.477.412.092	7.624.538.645	7.624.538.645
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	8.283.464.667	8.283.464.667	6.550.427.467	6.550.427.467
Phải trả cho các đối tượng khác	20.975.155.299	20.975.155.299	17.913.745.708	17.913.745.708
Cộng	76.116.352.267	76.116.352.267	52.491.336.728	52.491.336.728

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.29	44.308.889.083	35.128.189.083
Các khách hàng khác	6.416.846.428	6.027.828.289
Cộng	50.725.735.511	41.156.017.372

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2021 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	4.577.871.858	8.607.211.037	6.428.630.556	-	2.399.291.377
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	285.832.497	285.832.497	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.936.481.576	9.012.102.205	2.964.019.426	-	2.888.398.797
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	554.902.580	941.339.780	-	386.437.200
Thuế tài nguyên	-	745.618.700	3.560.166.680	3.696.256.240	-	881.708.260
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	38.764.953	676.326.334	-	637.561.381	-
Các loại thuế khác	-	165.449.968	1.158.541.168	1.211.611.920	-	218.520.720
Cộng	-	14.464.187.055	23.855.082.501	15.527.690.419	637.561.381	6.774.356.354

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Chi phí phải trả hoàn nguyên môi trường	1.169.453.103	1.169.453.103
Các khoản phải trả khác	23.802.691	1.888.677.236
Cộng	1.193.255.794	3.058.130.339

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	370.568.801	256.439.697
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.204.352.364	832.314.912
Cộng	1.574.921.165	1.088.754.609

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vốn chủ sở hữu

4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000.000	60.570.786.237	92.094.334.606	36.082.005.938	288.747.126.781
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	33.538.288.155	33.538.288.155
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	26.082.005.938	(26.082.005.938)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 30/06/2020	100.000.000.000	60.570.786.237	118.176.340.544	33.538.288.155	312.285.414.936
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	29.095.135.132	29.095.135.132
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	100.000.000.000	60.570.786.237	118.176.340.544	47.633.423.287	326.380.550.068
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	48.785.538.326	48.785.538.326
Trích quỹ theo Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-LBM	-	-	37.633.423.287	(37.633.423.287)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2021	100.000.000.000	60.570.786.237	155.809.763.831	48.785.538.326	365.166.088.394

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của công ty mẹ	64.900.860.000	64.900.860.000
Vốn góp của các đối tượng khác	35.099.140.000	35.099.140.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000

4.17.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.17.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2021	118.176.340.544
Trích trong kỳ từ lợi nhuận năm 2020	37.633.423.287
Chi trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2021	155.809.763.831

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2021	Tại ngày 01/01/2021
USD	67.895,17	7.299,70
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Xóa sổ do không có khả năng thu hồi	3.856.779.443	3.856.779.443

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng Công ty	34.385.358.327	48.976.022.573
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt - Xí nghiệp Hiệp An	14.573.181.156	15.305.328.967
Doanh thu gạch - Xí nghiệp Thanh Mỹ	13.104.775.099	13.989.678.321
Doanh thu cao lanh - Xí nghiệp Hiệp Tiến	7.675.735.651	8.092.545.111
Doanh thu bê tông - Xí nghiệp Hiệp Lực	298.043.477.853	204.110.812.310
Cộng	367.782.528.086	290.474.387.282
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.29	23.837.900.995	29.699.524.014

Doanh thu kỳ này tăng hơn kỳ trước chủ yếu là do sản lượng bê tông tiêu thụ trong kỳ tăng hơn 45% so với cùng kỳ năm trước.

4.20. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ - Văn phòng công ty	27.637.758.507	46.978.155.072
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt - Xí nghiệp Hiệp An	10.877.068.624	10.288.810.971
Giá vốn gạch - Xí nghiệp Thanh Mỹ	9.377.257.227	9.841.992.746
Giá vốn cao lanh - Xí nghiệp Hiệp Tiến	5.548.167.888	6.092.333.064
Giá vốn bê tông - Xí nghiệp Hiệp Lực	235.067.247.730	164.892.454.416
Cộng	288.507.499.976	238.093.746.269

Giá vốn kỳ này tăng tương ứng với doanh thu tăng trong kỳ.

4.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	215.988.723	239.460.695
Cổ tức, lợi nhuận được chia - Xem thêm mục 4.29	13.313.588.362	8.593.155.579
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	99.169.269
Cộng	13.529.577.085	8.931.785.543

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.22. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	170.014.197	32.192.815
Hoàn nhập dự phòng vào công ty con	-	(406.488.627)
Chi phí tài chính khác	470.391	-
Cộng	170.484.588	(374.295.812)

4.23. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	154.455.857	114.241.665
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	749.888.961	739.841.017
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.766.666	14.766.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.266.094	107.687.440
Chi phí bằng tiền khác	109.942.726	145.195.454
Cộng	1.123.320.304	1.121.732.242

4.24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.212.272.854	11.064.061.068
Chi phí vật liệu quản lý	774.218.352	549.717.373
Chi phí đồ dùng văn phòng	558.758.466	1.154.710.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.859.106.580	2.422.643.320
Thuế, phí và lệ phí	498.431.812	465.554.306
Chi phí dự phòng	626.251.939	252.925.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	811.633.327	832.567.337
Chi phí bằng tiền khác	4.170.899.532	3.399.978.413
Cộng	34.511.572.862	20.142.157.723

Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng hơn kỳ trước chủ yếu là chi phí nhân viên quản lý tăng do tăng đơn giá trích tiền lương và quỹ lương kế hoạch dự kiến.

4.25. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	580.842.795	-
Xử lý công nợ	259.779.102	1.334.974
Thu nhập khác	-	289.600
Cộng	840.621.897	1.624.574

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	465.682.733
Các khoản bị phạt	13.000.000	89.123.808
Xử lý công nợ	24.208.807	9.181.123
Các khoản khác	5.000.000	-
Cộng	42.208.807	563.987.664

4.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	172.389.066.685	132.734.389.577
Chi phí nhân công	54.231.251.239	33.832.440.555
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.454.310.617	22.978.001.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.596.426.347	57.384.119.204
Chi phí khác bằng tiền	11.006.111.722	12.878.515.691
Cộng	317.677.166.610	259.807.466.556

4.28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	57.797.640.531	39.860.469.313
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	433.764.394	343.592.059
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(13.313.588.362)	(8.999.644.206)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	44.917.816.563	31.204.417.166
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	8.983.563.313	6.240.883.433
Điều chỉnh thuế của năm trước	28.538.892	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	9.012.102.205	6.240.883.433

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là thu nhập, chi phí khi tính thuế như: chi phí khấu hao xe ô tô vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng | Công ty mẹ |
| 2. Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát | Công ty con |
| 3. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành | Công ty con |
| 4. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông | Công ty con |
| 5. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 | Công ty cùng tập đoàn |
| 6. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.881.661.224	1.064.142.909
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	14.081.278.987	12.008.073.337
Cộng – Xem thêm mục 4.3	15.962.940.211	13.072.216.246

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Trả trước người bán ngắn hạn:		
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc (*)	4.512.000.000	4.512.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	8.000.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.4	12.512.000.000	4.512.000.000

(*) Đây là khoản ứng trước cho ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng thửa đất số 124, 239, 289, 132, 114, 127, 126 tại địa chỉ Ấp Phú Hợp B, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, với diện tích 9.129,8 m².

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	17.826.721.417	10.710.592.435
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	3.651.507.229	197.264.516
Cộng – Xem thêm mục 4.5	21.478.228.646	10.907.856.951

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(261.592.999)	(47.689.107)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(17.555.707.019)	(5.929.006.787)
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	(21.299.772.116)	(14.425.929.014)
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	(1.263.248.075)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(40.380.320.209)	(20.402.624.908)
	Tại ngày 30/06/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(785.848.765)	(785.848.765)
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	(43.523.040.318)	(34.342.340.318)
Cộng – Xem thêm mục 4.13	(44.308.889.083)	(35.128.189.083)
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	9.932.519.993	8.764.083.176
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	255.609.091	8.266.959.688
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	2.609.899.222	5.880.306.456
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	10.969.909.049	1.950.660.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	69.963.640	4.837.514.694
Cộng – Xem thêm mục 4.19	23.837.900.995	29.699.524.014

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và sử dụng dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	461.353.870	460.681.740
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	14.858.847.495	20.564.968.060
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	10.569.727.483	2.292.195.191
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	1.148.407.941	-
Cộng	27.038.336.789	23.317.844.991
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua tài sản cố định:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	454.545.455	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	2.743.216.667	2.542.750.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Hiệp Thịnh Phát	7.116.128.982	6.050.405.579
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	3.454.242.713	-
Cộng – Xem thêm mục 4.21	13.313.588.362	8.593.155.579
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả cổ tức:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	6.490.086.000	6.490.086.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắk Nông	23.000.000.000	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	453.000.000	60.000.000
Ông Hầu Văn Tuấn – Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	50.000.000	10.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Lê Văn Quý – Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Ngô Văn Minh – Thành viên HĐQT	10.000.000	-
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT	50.000.000	30.000.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	56.000.000	30.000.000
Cộng	759.000.000	190.000.000

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn An Thái – Tổng Giám đốc	858.000.000	720.750.000
Ông Trần Đại Hiến – Phó Tổng Giám đốc	392.200.000	314.750.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	489.000.000	337.750.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	445.800.000	372.750.000
Ông Trần Văn Hiến – Phó Tổng Giám đốc	510.000.000	372.750.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	440.800.000	36.000.000
Ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng	447.000.000	353.550.000
Cộng	3.582.800.000	2.508.300.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT	63.474.000	63.474.000
Ông Nguyễn An Thái – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	105.000.000	105.000.000
Ông Phạm Gia Sâm – Thành viên HĐQT	20.000.000	20.000.000
Ông Mai Nam Dương – Thành viên HĐQT	38.300.000	-
Ông Nguyễn Quang Trung – Thành viên HĐQT	18.100.000	18.100.000
Ông Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	500.130.000	500.130.000
Ông Trần Đại Hiền – Phó Tổng Giám đốc	1.750.000	1.750.000
Ông Lê Cao Quang – Phó Tổng Giám đốc	12.552.000	12.552.000
Ông Nguyễn Quang Duyệt – Phó Tổng Giám đốc	9.000	9.000
Ông Trần Văn Hiền – Phó Tổng Giám đốc	3.000	3.000
Ông Nguyễn Thanh Toàn – Phó Tổng Giám đốc	2.000	2.000
Ông Lê Nam Đồng – Kế toán trưởng	6.000	-
Cộng	759.326.000	721.020.000

4.30. Thu nhập Ban kiểm soát

Tiền lương và các chi phí hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga – Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	6.000.000
Cộng	60.000.000	34.000.000

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Nguyễn Thị Phú – Thành viên Ban Kiểm soát	2.900.000	2.900.000

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.31. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù chưa tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 30/06/2021 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2021 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những giai đoạn tài chính sắp tới.

Phê duyệt



Nguyễn An Thái
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2021

Người lập

Lê Nam Đồng
Kế toán trưởng

